

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 07/2017/HC-ST
Ngày 25-8-2017
V/v khiếu kiện Thông báo thuế

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Việt Oanh, bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2017 Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 03/2017/TLST-HC ngày 26 tháng 04 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Thông báo thuế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXXST-HC ngày 09/8/2017 giữa:

Người khởi kiện: Võ Thị L - Sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn N. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường B, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/5/2017).

Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố B.

Địa chỉ: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang T – Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Bùi Văn T – Phó chi cục trưởng Chi cục thuế Tp. B. (Theo văn bản ủy quyền số 20/UQ-CCT ngày 14/7/2017 của Chi cục trưởng Chi cục thuế Tp. B). Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B.

Địa chỉ: Đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của Chi nhánh: Ông Nguyễn Tấn L – Nhân viên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tp. B. (Theo văn bản ủy quyền số 08/UQ-ĐKĐĐ ngày 12/06/2017 của Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Tp. B). Ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn N trình bày:

Gia đình bà Võ Thị L là người sử dụng diện tích đất 138,1m², thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79 tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc đất do gia đình bà L mua của ông Võ Vĩnh P từ năm 1983 và gia đình bà L sử dụng ổn định từ đó đến nay, nộp thuế đầy đủ, không bị tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

Năm 2006 bà L đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nêu trên nhưng chưa được giải quyết. Đến năm 2016 Ủy ban nhân dân phường T tiếp tục hướng dẫn làm bổ sung thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 12/4/2016 bà L nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất không số ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B ghi bà Võ Thị L phải nộp 40% tiền sử dụng đất tương ứng số tiền 386.680.017 đồng. Đồng thời bà L cũng nhận được Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 báo nộp 4.834.000 đồng. Do không hiểu biết pháp luật nên bà L có ghi xin nợ số tiền sử dụng đất và tiền lệ phí trước bạ nhà đất với điều kiện sẽ khiếu nại hoặc khởi kiện về Thông báo nộp tiền sử dụng đất, thông báo thuế nếu kết quả giải quyết thuộc trường hợp không phải nộp tiền sử dụng đất thì nhà nước phải tính lại cho bà.

Theo các quy định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thì bà L không thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó Chi cục thuế Tp. B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất không số ngày 06/4/2016 xác định gia đình bà L phải nộp 40% tiền sử dụng đất tương ứng số tiền 386.680.017 đồng là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B. Yêu cầu Chi cục thuế Tp. B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất với nội dung ghi số tiền sử dụng đất là không phải nộp tiền sử dụng đất.

- Đại diện theo ủy quyền người bị kiện ông Bùi Văn T trình bày: Ngày 01/4/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B có phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính đối với lô đất của bà Võ Thị L chuyển cho Chi cục thuế Tp. B như sau: thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79 tại phường T, Tp. B,

tỉnh Đắk Lắk; loại đường, khu vực: đường T, diện tích đất để xác định nghĩa vụ tài chính 138,1m²; mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng đất: lâu dài; nguồn gốc sử dụng đất: Do bộ chỉ huy quân sự tỉnh cấp, nhận chuyển nhượng; đối tượng thuộc diện phải nộp tiền sử dụng quyền sử dụng đất: Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, kèm theo hồ sơ theo quy định.

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính, hồ sơ, tài liệu có liên quan và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Chi cục thuế Tp. B đã tính và ra thông báo tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất của bà L cụ thể như sau: Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B với số tiền sử dụng đất bà Võ Thị L phải nộp là 386.680.017 đồng. Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B với số tiền lệ phí trước bạ bà Võ Thị L phải nộp là 4.834.000 đồng. Việc Chi cục thuế Tp. B tính và ra thông báo tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với thửa đất với thửa đất của bà L là đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn L trình bày: Sau khi kiểm tra hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79, diện tích 138,1m² thửa đất tọa lạc tại phường T, thì nguồn gốc của thửa đất: hộ ông Trương Hữu Đ được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp lô đất làm nhà ở năm 1982. Sau đó ông Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Võ Vĩnh P, hộ ông P đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 208, tờ bản đồ số 79, diện tích 431,5m². Phần diện tích còn lại ông P chuyển nhượng cho các hộ sau:

- Hộ ông Hà Ngọc T, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 79, diện tích 123,9m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ ông Nguyễn Bá H, thửa đất số 57, tờ bản đồ số 79, diện tích 110,2m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ ông Nguyễn Văn S, thửa đất số 120, tờ bản đồ số 79, diện tích 93m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ ông Hoàng Ngọc K, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 79, diện tích 248,2m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ ông Nguyễn Xuân H, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 79, diện tích 67,5m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hộ bà Võ Thị L, thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79, diện tích 138,1m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hộ bà Võ Thị L nhận chuyển nhượng của ông Võ Vĩnh P ngày 20/3/1983 có giấy sang nhượng viết tay và hộ bà L làm nhà ở năm 1984 sử dụng ổn định cho đến nay.

Quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ như sau:

Năm 2015 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố) nhận hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Võ Thị L đối với thửa đất trên. Do hồ sơ chưa đủ điều kiện xử lý, ngày 10/9/2015 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố có Thông báo số 507/TB-VPĐK về việc giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị L.

Ngày 17/02/2016 bà Võ Thị L nộp lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân Thành Phố.

Căn cứ hồ sơ, ngày 29/02/2016 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố xử lý và trình Phòng Tài nguyên và môi trường Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố B để xem xét xử lý theo quy định.

Ngày 31/3/2016 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 748/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ bà Võ Thị L.

Căn cứ khoản 2, Mục V, Quyết định số 201/CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước, quy định “2. *Thẩm quyền về giao đất để sử dụng: a. Việc giao đất nông nghiệp, đất thổ cư nông thôn và đô thị trên 2 hécta hoặc phải di dân trên 20 hộ để lấy đất làm việc khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định; từ 2 hécta trở xuống hoặc phải di dân từ 20 hộ trở xuống do chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định*”. Căn cứ quy định trên thì đất của Bộ chỉ quy quân sự tỉnh Đắk Lắk giao là đất được giao không đúng thẩm quyền.

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định “*Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này*”.

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định việc xác định tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất được giao không đúng thẩm quyền như sau:

“c) Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

- Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại Bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; bằng 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”.

Căn cứ quy định trên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố xử lý phiếu chuyển thông tin địa chính chuyển chi cục thuế Thành phố để xác định nghĩa vụ tài chính cho hộ bà Võ Thị L theo quy định.

Ngày 06/4/2016 Chi cục thuế Thành phố phát hành thông báo nghĩa vụ tài chính cho hộ bà Võ Thị L.

Ngày 12/4/2016 hộ bà Võ Thị L nhận thông báo nghĩa vụ tài chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Sau khi nhận thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính, hộ bà Võ Thị L có đơn xin ghi nợ nghĩa vụ tài chính và nộp lại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Ngày 30/5/2016 Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 722789 đối với thửa đất trên cho hộ bà Võ Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buon Ma Thuot tham gia phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử trong quá trình xét xử vụ án: Hội đồng xét xử và Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, Toà án đã tiến hành cho đương sự làm bản tự khai, tiến hành đối thoại đúng quy định của pháp luật. Ra quyết định xét xử đúng thời hạn. Trong quá trình xét xử Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng trình tự của pháp luật. Về nội dung, Chi cục thuế thành phố B căn cứ vào phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi

nhánh văn phòng đăng ký đất Tp. B đề ra các Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016. Tuy nhiên, việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B cho rằng nguồn gốc đất mà bà Võ Thị L đang đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L được giao đất không đúng thẩm quyền là không phù hợp với các quy định của Pháp luật (khoản 7 Điều 18, điểm a khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 06/4/2017 bà Võ Thị L làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đề nghị Tòa án tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì khiếu kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và Tòa án nhân dân Tp. B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về thời hiệu khởi kiện, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với loại việc này là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Vì vậy, việc khởi kiện của bà L vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Về tính hợp pháp của các Thông báo thuế: Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B được ban hành phù hợp với quy định của Luật quản lý thuế về thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ của Chi cục thuế.

Về nội dung của thông báo thuế: Chi cục thuế Tp. B đã căn cứ Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai ngày 01/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ấn định mức thuế đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79, diện tích 138,1m² với mức đóng thuế là 40%, xác định số tiền sử dụng đất phải đóng là 386.680.017 đồng và 4.834.000đ tiền lệ phí trước bạ nhà đất là đúng với các quy định của pháp luật trong lĩnh vực thuế. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã xác định nguồn gốc của thửa đất trên là đất được cấp không đúng thẩm quyền và người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất: Theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 8 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất là không phù hợp với diễn biến và quá trình sử dụng đất của bà Võ Thị L, dẫn đến việc Chi cục thuế Tp. B ban hành Thông báo thuế không đúng.

Quá trình giải quyết xét thấy nguồn gốc của thửa đất số 94, tờ bản đồ số 79, diện tích 138,1m² tại phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk mà bà L đang làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc do gia đình bà L mua của ông Võ Vĩnh P từ năm 1983 và gia đình bà L đã xây dựng nhà và sử dụng ổn định từ đó đến nay, nộp thuế đầy đủ, không bị tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất (Trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đã thể hiện việc này).

Năm 2006 bà L đã làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất nêu trên nhưng chưa được giải quyết. Đến năm 2016 Ủy ban nhân dân phường T tiếp tục hướng dẫn làm bổ sung thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân Tp. B đã công nhận quyền sử dụng đất của bà L nhưng thuộc đối tượng phải nộp tiền sử dụng đất.

Như vậy, quá trình quản lý sử dụng của bà Võ Thị L từ năm 1983 đến nay ổn định không tranh chấp và phù hợp với các quy định về đất đai, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai 2003 (Nay là Điều 100 Luật đất đai 2013). Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B và kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B thu hồi và hủy bỏ phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 1506646/VPĐK ngày 01/4/2016 để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B và Chi cục thuế Tp. B xác định lại nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 2; Điều 11, Điều 12, khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 130; Điều 146 và Điều 149 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Áp dụng Điều 50 Luật đất đai 2003 (Nay được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013)

Áp dụng khoản 7 Điều 18; điểm a khoản 2 Điều 21 và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Áp dụng Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L.

Tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 06/4/2016 và Thông báo nộp thuế trước bạ nhà, đất ngày 06/4/2016 của Chi cục thuế Tp. B để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B và Chi cục thuế Tp. B xác định lại nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B thu hồi và hủy bỏ phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 1506646/VPĐK ngày 01/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B.

2. Về án phí: Chi cục thuế Tp. B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Võ Thị L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000287 ngày 25/4/2017 do ông Ngô Văn S nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Tú